

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2019

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cù Thị Hạnh.

2. Ông Hoàng Vũ Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 4, xã K, Huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã K, Huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 326 ấp B, xã V, Huyện V, tỉnh K.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh C và chị N (Anh C và chị N đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 08-01-2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Tuyết N tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 16-10-2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, Huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, chị N đã cắt khẩu ở quê và đăng ký hộ khẩu ở

xóm 4, xã K, Huyện V, tỉnh Nam Định vì vợ chồng ở cùng với bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm đến đầu năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong mọi vấn đề nên vợ chồng anh thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Chị N là con gái miền Tây không phù hợp được với cuộc sống của người miền Bắc, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được chính quyền địa phương nhiều lần hoà giải mục đích hàn gắn nhưng không thành. Cho đến ngày 23-4-2014, chị N đã đưa con bỏ nhà đi, cắt đứt mọi liên lạc với anh. Anh đã nhiều lần về quê chị N ở số nhà 326, tổ 58 ấp Bình Hòa, xã V, Huyện V, tỉnh Kiên G để hỏi ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Tr là bố mẹ chị N về địa chỉ của chị N hiện nay ở đâu nhưng ông bà giấu, kiên quyết không cho anh biết và bảo anh là về nhà mà lấy vợ khác đi. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm gì với chị N, thời gian vợ chồng sống ly thân với nhau đã lâu vì vậy anh C yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện V, tỉnh Nam Định giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Tuyết N.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 13-7-2013. Hiện nay, chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Do đó, anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu H cho chị N trông nom, chăm sóc và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị N không có gì vì vậy anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 01-3-2019, bị đơn là chị Lê Thị Tuyết N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu nhau hơn một năm. Sau đó được sự thống nhất của gia đình hai bên, chị và anh C đã tổ chức lễ cưới vào năm 2012 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, Huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì đến cuối năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra xô xát, cãi nhau. Khoảng tháng 12-2013, chị đã đưa con về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Kiên Giang để sinh sống. Chị và anh C sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh C xin ly hôn với chị thì chị đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Những nội dung anh C trình bày về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng là đúng nhưng thời gian vợ chồng sống ly thân là chưa đúng.

- Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 13-7-2013. Hiện tại cháu H đang sống cùng với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh C không có gì vì vậy chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, chị N đồng ý để Tòa án nhân dân Huyện V, tỉnh Nam Định tiếp tục giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh C. Chị N xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời vắng mặt tại phiên tòa vì điều kiện công việc.

* Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Văn Đ (Là bố đẻ của chị N) và bà Trần Thị Tr (Là mẹ đẻ của chị N) thể hiện:

Năm 2012, chị N lập gia đình với anh Trần Văn C và chHên hộ khẩu về bên chồng tại xóm 4, xã K, Huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì chị N về nhà ông bà sinh sống từ năm 2014 cho đến nay. Anh C có đến nhà ông bà để tìm chị N nhưng vì lúc đó chị N đi làm xa, thuê nhà ở Sài Gòn, ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị N nên không cung cấp cho anh C được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Trần Văn C và chị Lê Thị Tuyết N.

+ Về nuôi con chung: Anh C và chị N có 01 con chung là cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 13-7-2013. Hiện tại cháu H đang sống cùng với chị N. Do đó, đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu H cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên, có khả năng lao động tự lập được và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Lê Thị Tuyết N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 4, xã K, Huyện V, tỉnh Nam Định. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N đã bỏ đi, cắt đứt liên lạc với anh C. Anh C đã đến nhà bố mẹ đẻ chị N ở số nhà 326 ấp Bình Hòa, xã V, Huyện V, tỉnh Kiên Giang để tìm chị N nhưng không gặp.

Anh có hỏi địa chỉ của chị N nhưng ông Lê Văn Đ (Là bố đẻ của chị N) và bà Trần Thị Tr (Là mẹ đẻ của chị N) không cung cấp. Do không biết địa chỉ của chị N nên anh C đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Huyện V, tỉnh Nam Định yêu cầu giải quyết về việc ly hôn và nuôi con. Do đó, Tòa án nhân dân Huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án thì chị N đề nghị Tòa án nhân dân Huyện V, tỉnh Nam Định tiếp tục giải quyết vụ án. Đồng thời anh C và chị N đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị N kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ lâu. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Điều đó chứng tỏ mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C xử cho anh được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về nuôi con chung: Anh C và chị N có 01 con chung là cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 13-7-2013. Hiện nay cháu H đang sống cùng với chị N. Do đó, Tòa án tiếp tục giao cháu H cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ghi nhận ý kiến của chị N là không yêu cầu anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Văn C và chị Lê Thị Tuyết N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Lê Gia H, sinh ngày 13-7-2013. cho chị Lê Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị Tuyết N.

Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải nộp 300.000đ. Nhưng được đổi trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 09884 ngày 09-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện V, tỉnh Nam Định.

Anh Trần Văn C và chị Lê Thị Tuyết N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện V;
- Chi cục THADS Huyện V;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến

